TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **112**/2023/HN&GĐ-ST
Ngày: 28-9-2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Binh;

2/ Ông Mai Tơng.

T ký phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo - T ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị ThAh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 317/2023/TLST-HN&GĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2242023/QĐXXST-HN&GĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phương N sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Số 129, đường Đào Duy Từ, khu phố 6, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Số 129, đường Đào Duy Từ, khu phố 6, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện tại: Số 11, đường Nguyễn Hội, khu phố 1, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Ông N và bà M tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới; nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân thị trấn Vx, huyện Đức Linh vào ngày 27/6/2014; sau khi kết hôn thì ông N và bà M chung sống hạnh phúc được thời giA đầu, nhưng dần dần về sau này cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, Tờng xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, xung đột do bất đồng quA điểm. Đã rất nhiều lần ông N và bà M cùng trao đổi, nói

chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành; sau đó bà M đã nộp đơn xin ly hôn ông N tại Tòa án, ông N đồng ý ly hôn nhưng sau đó bà M lại rút đơn khởi kiện lại; hiện tại ông N và bà M đã sống ly thân, ông N vẫn sống ở khu phố 6, thị trấn Vx, còn bà M thì sinh sống tại số 11 Nguyễn Hội, khu phố 1, thị trấn Vx, huyện Đức Linh; ông N xác định mâu thuẫn giữa ông N và bà M đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông N ly hôn bà M.

Về con chung: Ông N khai nhận giữa ông và bà M có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Phương Quỳnh T, sinh năm 2012 và Nguyễn Phương Khánh A, sinh năm 2017; hai con chung hiện đAg sống cùng với ông N, do đó ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung và nợ: Ông N và bà M sẽ tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Bà M và ông N kết hôn với nhau vào năm 2011 tại Ủy bA nhân dân thị trấn Vx. Quá trình chung sống vợ chồng ít có hạnh phúc, Tòng xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà M đồng ý.

Về con chung: Khi Tòa án giải quyết ly hôn, bà M yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Phương Quỳnh T, sinh năm 2012 và Nguyễn Phương Khánh A, sinh năm 2017; yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 5.000.000 đồng/ 02 con/ tháng, cấp dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ: Bà M và ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, T ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bôi đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Phương N ly hôn bà Nguyễn Thị M.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ trong vụ án này.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quA hệ trAh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Nguyễn Phương N khởi kiện ly hôn đối với bị đơn Nguyễn Thị M; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu Tòng trú và hiện cư trú tại khu phố 6, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Tuy trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có nêu yêu cầu giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con nhưng không có đơn yêu cầu theo quy định và Tòa án cũng chưa thực hiện thủ tục thụ lý trAh chấp về nuôi con trong vụ án này. Do đó, căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 66, đăng ký ngày 27/6/2014 tại Ủy bA nhân dân thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, có căn cứ khẳng định ông N và bà M tự nguyện kết hôn vào năm 2014 (hôn nhân thực tế phát sinh từ năm 2011), có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó, quA hệ hôn nhân giữa ông N và bà M được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Ông N và bà M tự nguyện tìm hiểu, yêu Tơng nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì ông bà sống chung với nhau như vợ chồng được một thời giA thì phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến sống ly thân, không còn quA hệ như vợ chồng; quá trình hòa giải ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn bà M; bà M có ý kiến đồng ý ly hôn ông N.

Từ những phân tích trên cho thấy, quA hệ hôn nhân giữa ông N và bà M đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N đối với bà M.

[3.2] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 216, đăng ký ngày 04/7/2014 và bản sao giấy khai sinh số 365, đăng ký ngày 29/8/2017 thì có cơ sở pháp lý để khẳng định cháu Nguyễn Phương Khánh A, sinh ngày 16/01/2017 và Nguyễn Phương Quỳnh Như, sinh ngày 15/02/2012 là con chung của ông N và bà M.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Tòa án không thụ lý trAh chấp về nuôi con. Tuy bị đơn có nêu yêu cầu giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con nhưng không có đơn yêu cầu theo quy định và Tòa án cũng chưa thực hiện thủ tục thụ lý trAh chấp về nuôi con trong vụ án này. Do đó, các đương sự có quyền khởi kiện trAh chấp về nuôi con trong vụ án khác.

[3.3] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông N và bà M về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Tòng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 138; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Tòng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phương N.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Phương N ly hôn bà Nguyễn Thị M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 66, đăng ký ngày 27/06/2014 tại Ủy bA nhân dân thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận giữa bà Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị M hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trAh chấp về con chung, tài sản chung và nợ trong vụ án này.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Phương N phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0015244 ngày 10/7/2023. Ông N đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND TT. Vx;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận